

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 82/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 - 2025.

Về: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 380/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1986 (số CCCD 089186004975, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021); địa chỉ cư trú: Số nhà B, tổ A, ấp M, xã N, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Duy K, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà A, tổ A, ấp M, xã N, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông K được hình thành là do tự tìm hiểu, gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2008, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 201 ngày 13/10/2008. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên gây cãi, bởi gia

đình chồng luôn gây áp lực đối với bà; bà chịu không nổi nên ly thân với ông K từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân gia đình bỏ mặt, hiện ai cũng có cuộc sống riêng, nên nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông K.

Về quan hệ con chung: Bà với ông K có 02 con chung tên Nguyễn Quân T, sinh ngày 11/8/2008 và Nguyễn Quân H, sinh ngày 22/4/2018, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông K không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông K không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Duy K để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lời khai ngày 22/5/2025, ông K đồng ý ly hôn với bà D với điều kiện ông được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà D có đơn xin vắng mặt bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà D – ông K chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cãi, dẫn đến ly thân nhau, gia đình không hàn gắn, nên bà D xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Cháu Nguyễn Quân T và Nguyễn Quân H từ khi cha mẹ ly thân thì hai cháu sống chung với mẹ, hiện 02 cháu trên 07 tuổi. Ý nguyện 02 cháu tiếp tục sống chung với mẹ, đề nghị HĐXX chấp nhận. Riêng tài sản chung hai bên không yêu cầu, nợ chung khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục:* Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng ông K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà D, ông K, theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền:* Bà D khởi kiện ly hôn với ông K là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông K có địa chỉ cư trú tại xã N, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D – ông K kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 201 ngày 13/10/2008, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà và ông K do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, cả hai không quan tâm gì đến nhau, có cuộc sống riêng, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm và ly thân nhau...

Qua trình bày của bà D, mặc dù ông K đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham gia hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt; tuy nhiên ông K cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với điều kiện ông phải được nuôi 02 con chung. Xét thấy quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung là hai quan hệ riêng biệt, việc ông K đồng ý ly hôn với bà D chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D xin ly hôn là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà D.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Xét cháu Nguyễn Quân T và Nguyễn Quân H từ khi cha mẹ ly thân đến nay 02 cháu chung sống với bà D, tình cảm giữa hai cháu với bà D đã thật sự gắn bó, hiện hai cháu trên 07 tuổi đã có ý nguyện tiếp tục sống chung với mẹ. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu cũng như tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về sau, HĐXX không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông K mà chấp nhận giao hai con chung cho bà D tiếp tục nuôi là phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà D biết: Trong thời gian nuôi con, bà D cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà D không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà D - ông K khai không yêu cầu giải quyết phần tài sản; nợ chung khai không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Duy K.

Về quan hệ con chung: Bà D được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Quân T, sinh ngày 11/8/2008 và Nguyễn Quân H, sinh ngày 22/4/2018. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 00254501 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (bà D nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS KV11-AG;
- Phòng THADS KV11-AG để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#)

Lê Văn Huệ

